TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TN** **TỈNH TN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79 /2018/DS-ST
Ngày: 17/8/2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Bà Lưu Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên toà: Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 200/2018/TLST- DS ngày 03 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 60/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Số 78, đường HTP, khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh TN (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Hồng H, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Số 75, đường LL, KP4, P2 thành phố TN, tỉnh TN; (Theo giấy ủy quyền ngày 21/3/2018) có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Yến L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Số 557, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh TN (có mặt).

* Người làm chứng: Bà Trương Thị Mộng T. Nơi cư trú: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 24/4/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà D - ông H trình bày:*

Ngày 13/4/2017 âm lịch (AL) bà D có cho bà L mượn 20.000.000 đồng, bà L hẹn bà D đến ngày 13/6/2017 AL sẽ trả lại số tiền trên, đến ngày hẹn bà L không trả cho bà D với lý do chưa đủ tiền để trả, bà L tiếp tục hẹn bà D một tháng sau sẽ trả số tiền trên. Đến ngày 30/6/2017 AL bà L mượn bà D thêm 25.000.000 đồng và nói đến ngày 30/9/2017 sẽ trả lại cho bà D số tiền 25.000.000 đồng cùng với số tiền 20.0000.000 đồng nên bà D cho bà L mượn. Sau khi đến hẹn bà D có yêu cầu bà L trả cho bà D số tiền 45.000.000 đồng như đã hứa nhưng bà L không trả.

Nay bà D yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án và đồng ý khấu số tiền 3.000.000 đồng tiền lãi đã nhận.

** Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Yến L trình bày:*

Ngày 13/4/2017 âm lịch (AL) bà L có mượn của bà D 20.000.000 đồng, có viết biên nhận đề ngày 13/4/2017 AL, hẹn ngày 30/6/2017 trả lại, nhưng sau đó chưa có tiền để trả nên bà L hẹn bà D thêm một tháng nữa sẽ trả tiền tiền gốc, bà L đã đóng lãi cho bà D được 03 tháng, mỗi tháng 4.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh việc đóng lãi. Số tiền gốc bà L đã trả cho bà D xong nhưng bà L không lấy lại giấy nợ cũng không kêu bà D xác nhận việc nhận tiền.

Ngày 30/6/2017 bà L có mượn thêm của bà D 25.000.000 đồng, có làm giấy mượn tiền đề ngày 30/6 AL, hẹn ngày 30/9 âm lịch sẽ hoàn trả lại, số tiền này bà L đóng lãi cho bà D được 06 tháng, mỗi tháng 5.000.000 đồng, việc đóng lãi cũng không có chứng cứ chứng minh. Hiện nay bà L chỉ còn nợ bà D số tiền 25.000.000 đồng. Số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 13/4/2017 bà L mượn dùm cho bà Tuyền, bà L đã trả xong.

Nay bà D yêu cầu bà L trả cho bà số tiền 45.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến khi giải quyết xong vụ án thì bà L không đồng ý, bà L chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ tháng 11/2017 AL cho đến nay.

** Tại phiên tòa người làm chứng: Bà Trương Thị Mộng T trình bày:*

Bà L có rủ bà đến quán cà phê để trả tiền cho bà D, khi bà L trả tiền cho bà D có mặt bà, bà L, bà D và ông Hải. Bà thấy bà L trả 20.000.000 đồng cho bà D, bà không nhớ ngày nào, chỉ nghe bà L nói đến ngày hẹn lần thứ hai với bà D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm đối với việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim D, buộc bà Huỳnh Thị Yến L trả cho bà D số tiền gốc là 45.000.000 đồng, trả tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến khi xét xử. Khấu trừ số tiền lãi đã nhận là 3.000.000 đồng. Bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà D có cho bà L vay tiền, đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà L có nơi cư trú tại số 557, Ấp TP, xã TB, thành phố TN, tỉnh TN, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Bà L có làm giấy nhận nợ vào ngày 13/4/2017 âm lịch (AL), là ngày 08/5/2017 dương lịch (DL) và ngày 30/6/2017 AL, là ngày 21/8/2017 DL, bà D khởi kiện vào ngày 24/04/2018 DL chưa quá 3 năm, theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản vẫn còn.

[3] Về nội dung: Ngày 13/4/2017 AL (là ngày 08/5/2017 DL) bà L có vay cua bà D số tiền 20.000.000 đồng, hẹn đến ngày 13/6/2017 AL trả số tiền 20.000.000 đồng, đến ngày hẹn bà L không trả cho bà D với lý do chưa đủ tiền để trả, bà L tiếp tục hẹn bà D một tháng sau sẽ trả số tiền trên. Đến ngày 30/6/2017 AL (là ngày 21/8/2017 DL) bà L mượn bà D thêm 25.000.000 đồng và nói đến ngày 30/9/2017 sẽ trả lại cho bà D số tiền 25.000.000 đồng cùng với số tiền 20.0000.000 đồng nên bà D cho bà L mượn là có thật và hoàn toàn tự nguyện được thể hiện bằng giấy mượn tiền ghi ngày 13/4/2017 AL và ngày 30/6/2017 AL. Do bà L không trả tiền cho bà D như thỏa thuận, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của bà D nên bà D khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền là có cơ sở.

Bà L cho rằng, bà đã trả cho bà D số tiền gốc 20.000.000 đồng và trả lãi là 30.000.000 đồng của hai khoản vay, nhưng bà L không có chứng cứ chứng minh. Tại Tòa bà L trình bày số tiền 20.000.000 đồng bà vay của bà D là do bà T nhờ bà vay dùm, đến ngày hẹn trả tiền, bà rủ bà T cùng đi với bà để trả tiền cho bà D.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi vay bà L có làm giấy nhận nợ với bà D, khi trả bà L không lấy lại giấy nợ cũng không yêu cầu bà D viết giấy có nhận 20.000.000 đồng do bà L trả. Mặt khác, bà L mượn của bà D rồi đưa lại cho bà T, bà T lại là người làm chứng cho bà L đã trả tiền cho bà D là không khách quan nên lời trình bày của bà L không có cơ sở.

Bà D xác nhận bà D đã nhận tiền lãi của bà L là 3.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào số tiền lãi sau khi đã tính lãi theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Trong giấy mượn tiền có ghi thời hạn trả nợ nhưng không ghi lãi suất. Bà D trình bày lãi suất cho vay là 5%/tháng, bà L trình bày lãi là 20%/tháng, do có tranh chấp lãi suất nên tiền lãi được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm.

Bà L có ghi thời hạn trả tiền cho bà D nhưng đến hạn bà L không trả tiền như thỏa thuận nên bà L phải trả lãi cho bà D từ ngày vay đến ngày đến hạn với lãi luất trong hạn là 10%/năm và trả lãi quá hạn cho bà D từ ngày hết hạn cho đến khi xét xử với lãi suất bằng 150% của lãi suất trong hạn là 15%/năm. Tiền lãi được tính như sau:

* Đối với số tiền 20.000.000 đồng. Ngày vay 08/5/2017 DL, tính đến ngày xét xử 17/8/2018 là 15 tháng 09 ngày.

Tiền lãi trong hạn:

2 tháng x 10% /năm x 20.000.000 đồng = 333.000 đồng

Tiền lãi quá hạn:

13 tháng 09 ngày x 15%/năm x 20.000.000 đồng = 3.325.000 đồng.

* Đối với số tiền 25.000.000 đồng. Ngày vay 21/8/2017 DL, tính đến ngày xét xử 17/8/2018 là 11 tháng 26 ngày.

Tiền lãi trong hạn:

3 tháng x 10% /năm x 25.000.000 đồng = 625.000 đồng

Tiền lãi quá hạn:

8 tháng 26 ngày x 15%/năm x 25.000.000 đồng = 2.771.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi bà L phải trả cho bà D là 7.054.000 đồng, khấu trừ tiền lãi bà D đã nhận 3.000.000 đồng, bà L còn phải trả cho bà D 4.054.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của bà D, buộc bà L trả cho bà D số tiền gốc là 45.000.000 đồng và tiền lãi từ khi vay cho đến khi xét xử theo quy định pháp luật và khấu trừ tiền lãi bà D đã nhận 3.000.000 đồng. Buộc bà L chịu án phí. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chấp nhận yêu cầu của bà D, bà L phải trả cho bà D số tiền

49.054.000 đồng nên theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên bà L phải chịu án phí sơ thẩm dân sự là 2.453.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Lê Thị Kim D đối với bà Huỳnh Thị Yến L.

Buộc bà Huỳnh Thị Yến L trả cho bà Lê Thị Kim D số tiền 49.054.000 (bốn mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, tiền lãi là 4.054.000 (bốn triệu không trăm năm mươi bốn nghìn) đồng.

2. Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Huỳnh Thị Yến L chịu 2.453.000 (hai triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn) đồng.

Bà Lê Thị Kim D không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà D tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000đ (Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0005424 ngày 03/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh TN.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh TN, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung